



BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG

**THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP
DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025**

NỘI DUNG

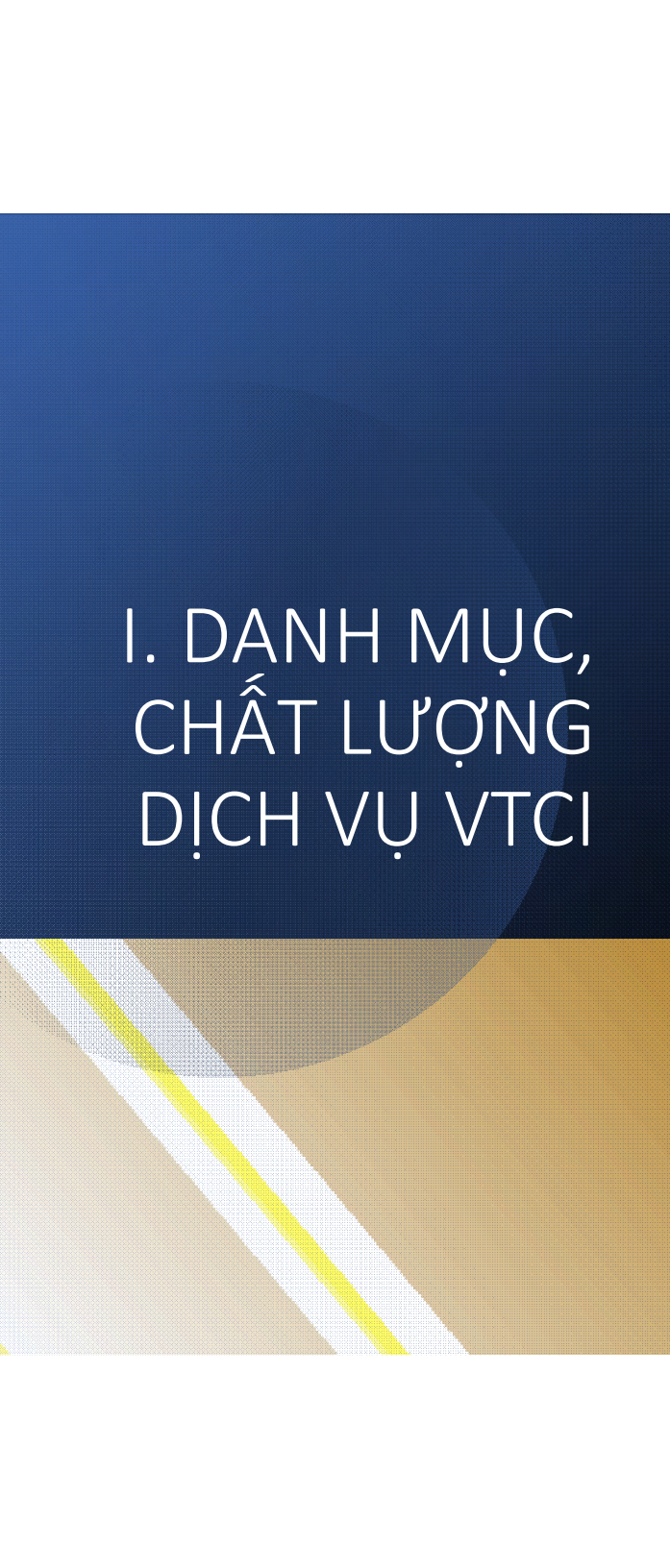
I. Danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích

II. Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI

III. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ VTCI

IV. Thông tin tuyên truyền, kiểm tra, giám sát

V. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán

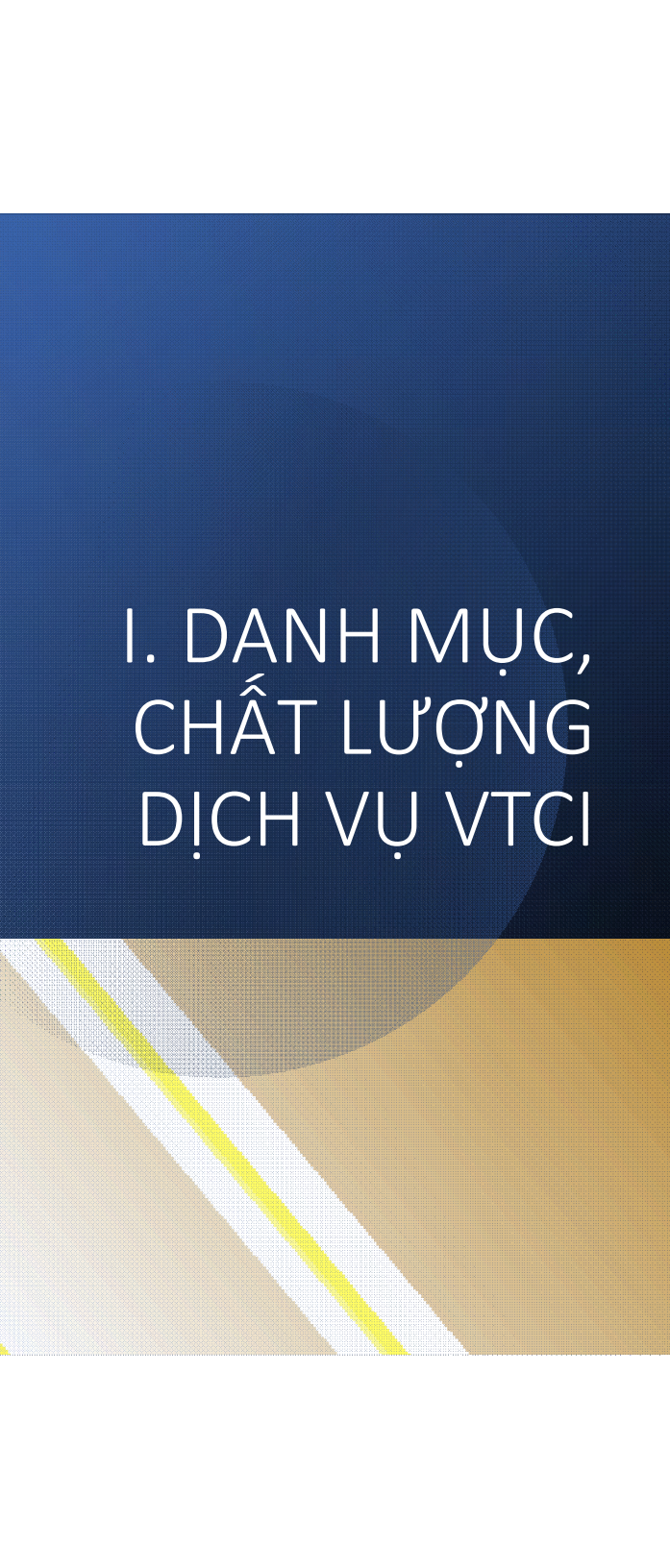


I. DANH MỤC, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VTCI

1. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích

1.1. Dịch vụ viễn thông bắt buộc bao gồm:

- Dịch vụ viễn thông phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, gồm: dịch vụ điện thoại, truyền dữ liệu qua vệ tinh; dịch vụ nhắn tin qua mạng thông tin di động mặt đất;
- Dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ tìm kiếm, cứu nạn trên biển, gồm: dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin;
- Dịch vụ viễn thông phục vụ liên lạc khẩn cấp đến các số: 113, 114, 115, gồm: dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin;
- Dịch vụ viễn thông bắt buộc khác theo quyết định của Bộ TTTT.



I. DANH MỤC, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VTCI

1.2. Dịch vụ viễn thông phổ cập, bao gồm:

a) Dịch vụ viễn thông cố định, gồm:

- Dịch vụ truy nhập Internet BRCĐ (qua đường truyền dẫn cáp quang).
- Dịch vụ truyền số liệu (truyền dẫn cáp quang, truyền dẫn viba, truyền dẫn vệ tinh) để kết nối ra các đảo, nhà giàn trên biển.

b) Dịch vụ viễn thông di động mặt đất, gồm:

- Dịch vụ điện thoại; Dịch vụ truy nhập Internet; Dịch vụ nhắn tin.
- Dịch vụ viễn thông di động hàng hải cho người sử dụng dịch vụ trên tàu, thuyền, gồm: dịch vụ điện thoại, nhắn tin, dịch vụ truy nhập Internet;
- Dịch vụ viễn thông phổ cập khác theo quyết định của Bộ TTTT.

I. DANH MỤC, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VTCI

2. Chất lượng dịch vụ viễn thông công ích

Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ.

3. Giá dịch vụ và doanh thu dịch vụ viễn thông công ích

- Giá dịch vụ viễn thông công ích theo quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Doanh thu của doanh nghiệp viễn thông nhận được từ hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Chương trình tài trợ là doanh thu dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng.

II. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VTCT

1. Khu vực khó khăn được phổ cập DVVT

- Các thôn thuộc các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo, khu vực đến ngày 31/12/2020 chưa có dịch vụ viễn thông di động mặt đất/Internet BRCĐ mặt đất.
- Ưu tiên xã đảo, huyện đảo và các khu vực ở xã thuộc khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

II. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VTCI

2. Phương thức hỗ trợ DN tại khu vực khó khăn

- Đặt hàng: cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet BRCĐ mặt đất từ tháng 01/2021 đến 6/2022
- Đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet BRCĐ mặt đất từ tháng 7 năm 2022 trở đi.
- Giao kế hoạch: Trường hợp không thực hiện được phương thức đặt hàng, đấu thầu

II. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VTCI

3. Hỗ trợ truy nhập Internet băng rộng tại các điểm Internet công cộng

3.1. Phạm vi hỗ trợ

a) Hỗ trợ các điểm truy nhập Internet công cộng tại các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo.

b) Điểm ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH.

3.2. Yêu cầu kỹ thuật

a. Đối với điểm ICC:

- Có ít nhất 03 máy tính kết nối Internet băng rộng.
- Máy tính đảm bảo có cấu hình theo quy định.

II. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VTCI

3.3. Nội dung hỗ trợ

- a) Đối với điểm ICC: chi phí khấu hao TSCĐ; công cụ, dụng cụ, sử dụng điện năng, quản lý, cước Internet BRCD mặt đất
- b) Đối với điểm ứng dụng CNTT: chi phí sử dụng dịch vụ truy nhập Internet BRCD mặt đất

3.4. Phương thức hỗ trợ

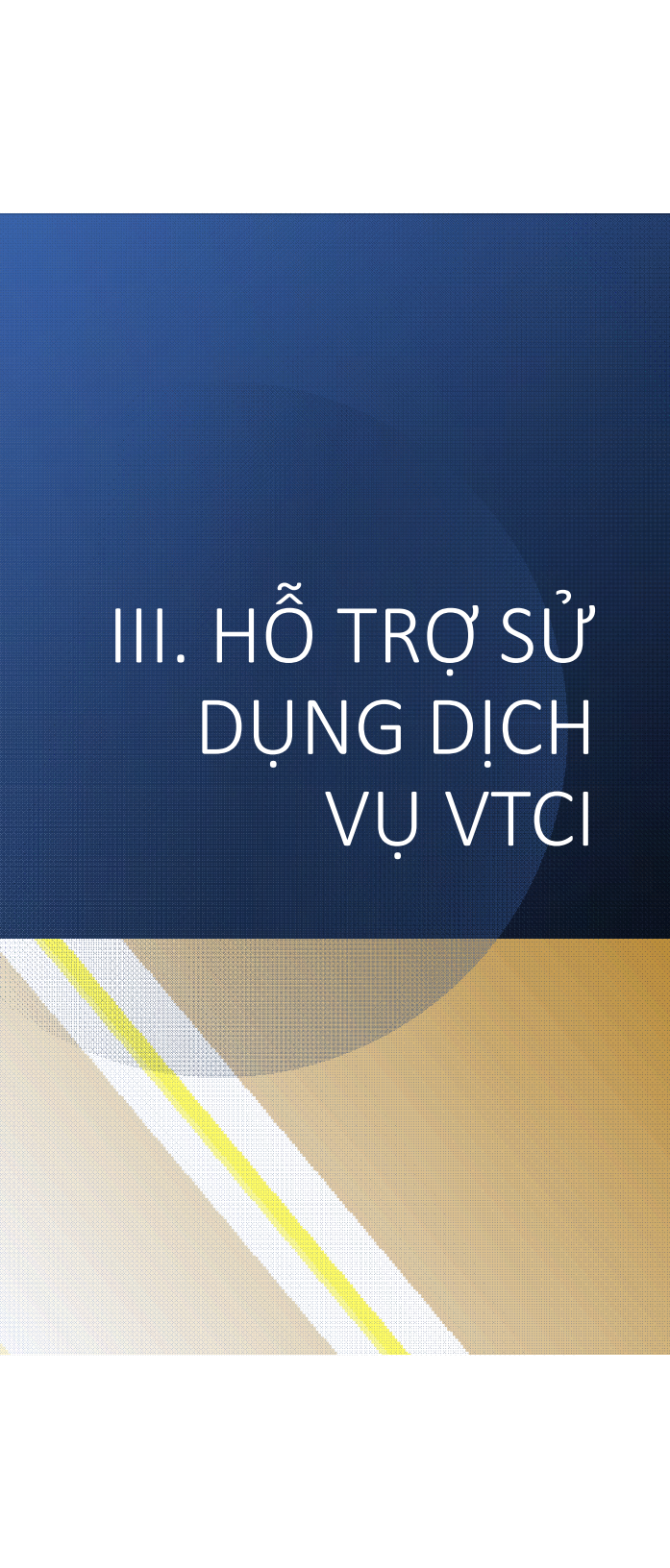
- a) Đối với các điểm ICC đã được hỗ trợ từ Chương trình VTCI giai đoạn 2015-2020 và đủ điều kiện cung cấp dịch vụ trong giai đoạn tiếp theo: Đặt hàng doanh nghiệp.
- b) Đối với các điểm ICC mới:
 - Phương án 1: Đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp DV
 - Phương án 2: Đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.
- c) Đối với điểm ứng dụng CNTT: Đặt hàng

III. HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VTCI

1. Hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh

1.1. Điều kiện nhận hỗ trợ

- Là hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu nhận hỗ trợ
- Hộ gia đình chưa được hỗ trợ máy tính bảng.



III. HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VTCT

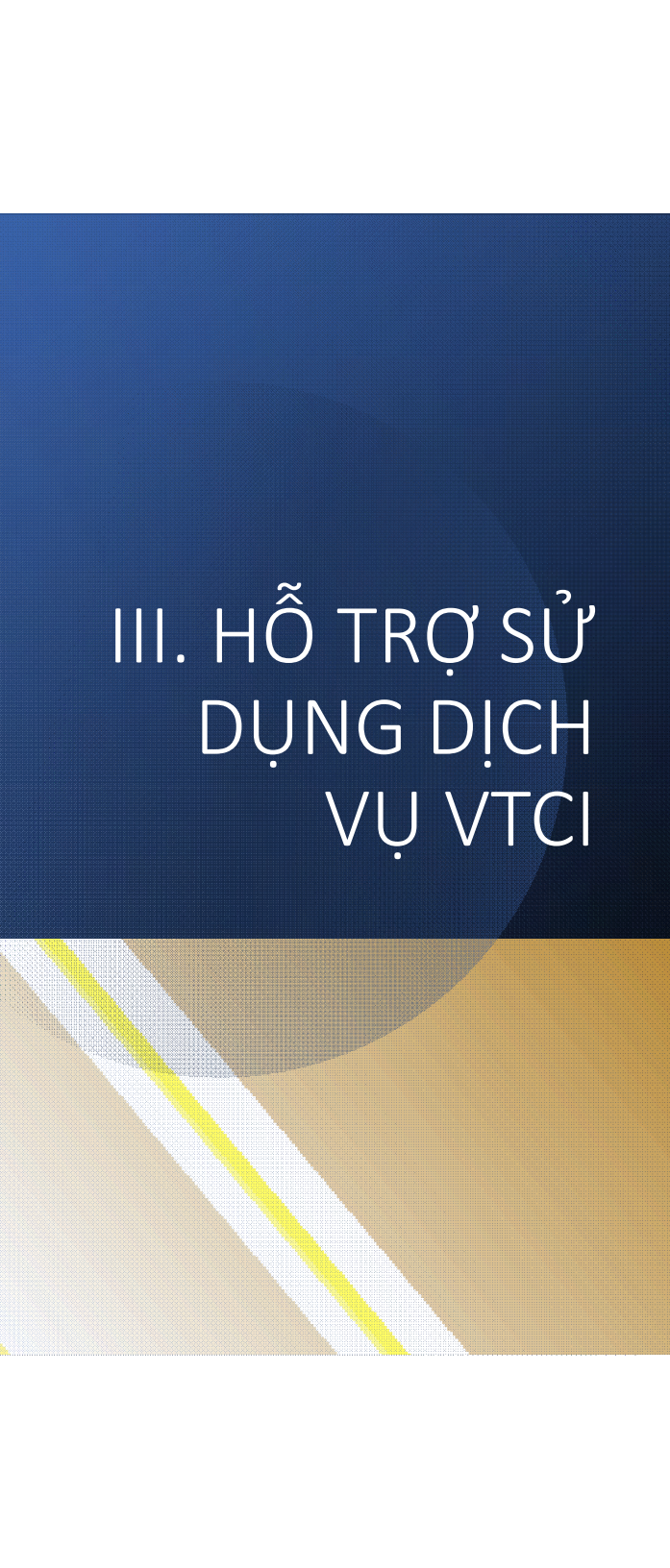
1.2. Tiêu chí ưu tiên

a. Ưu tiên về địa bàn cư trú:

- Xã khu vực III;
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;
- Xã đảo, huyện đảo;
- Các xã còn lại.

b. Thứ tự ưu tiên đối với hộ gia đình

- Hộ nghèo đồng thời là gia đình CSXH/chính sách đặc biệt khác.
- Hộ nghèo;
- Hộ cận nghèo đồng thời là gia đình CSXH/chính sách đặc biệt khác;
- Hộ cận nghèo.



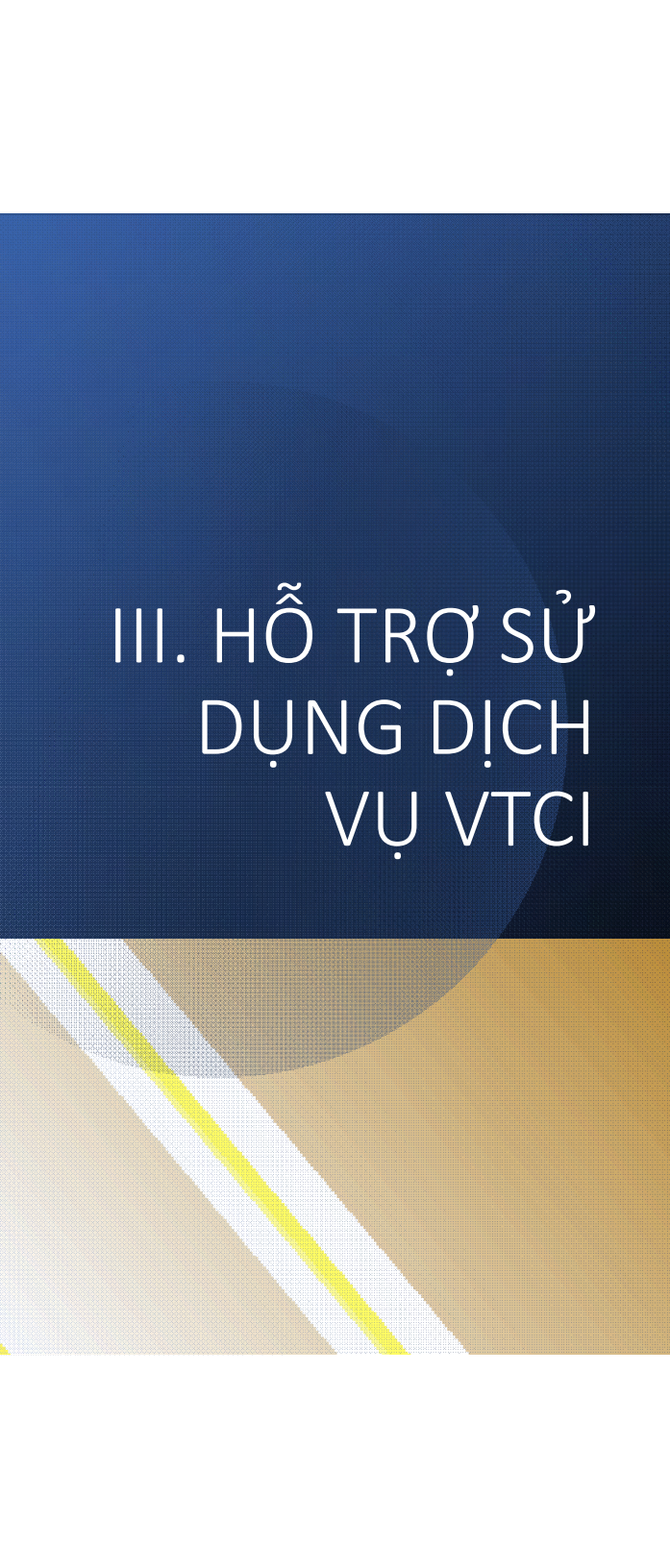
III. HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VTCI

1.3. Nguyên tắc phân bổ

- Số lượng hộ nghèo/cận nghèo của từng tỉnh;
- Số đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
- Địa bàn xã theo thứ tự ưu tiên

1.4. Phân bổ tại địa phương

- Quyết định tiêu chí, thứ tự ưu tiên, cách phân bổ, số đối tượng được hỗ trợ.
- Quy định trình tự, thủ tục, cách xác định lựa chọn hộ gia đình



III. HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VTCI

1.5. Hình thức hỗ trợ, mức hỗ trợ, phương thức thực hiện

a. Hình thức hỗ trợ: Bằng tiền

b. Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/hộ

c. Phương thức thực hiện: Đặt hàng doanh nghiệp viễn thông

d. Hộ gia đình lựa chọn nhận hỗ trợ thông qua:

- Trừ dần vào chi phí sử dụng dịch vụ viễn thông phát sinh vượt số kinh phí được hỗ trợ;
- Nhận tiền mặt (một lần) trực tiếp từ doanh nghiệp.

III. HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VTCI

2. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập

2.1. Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo

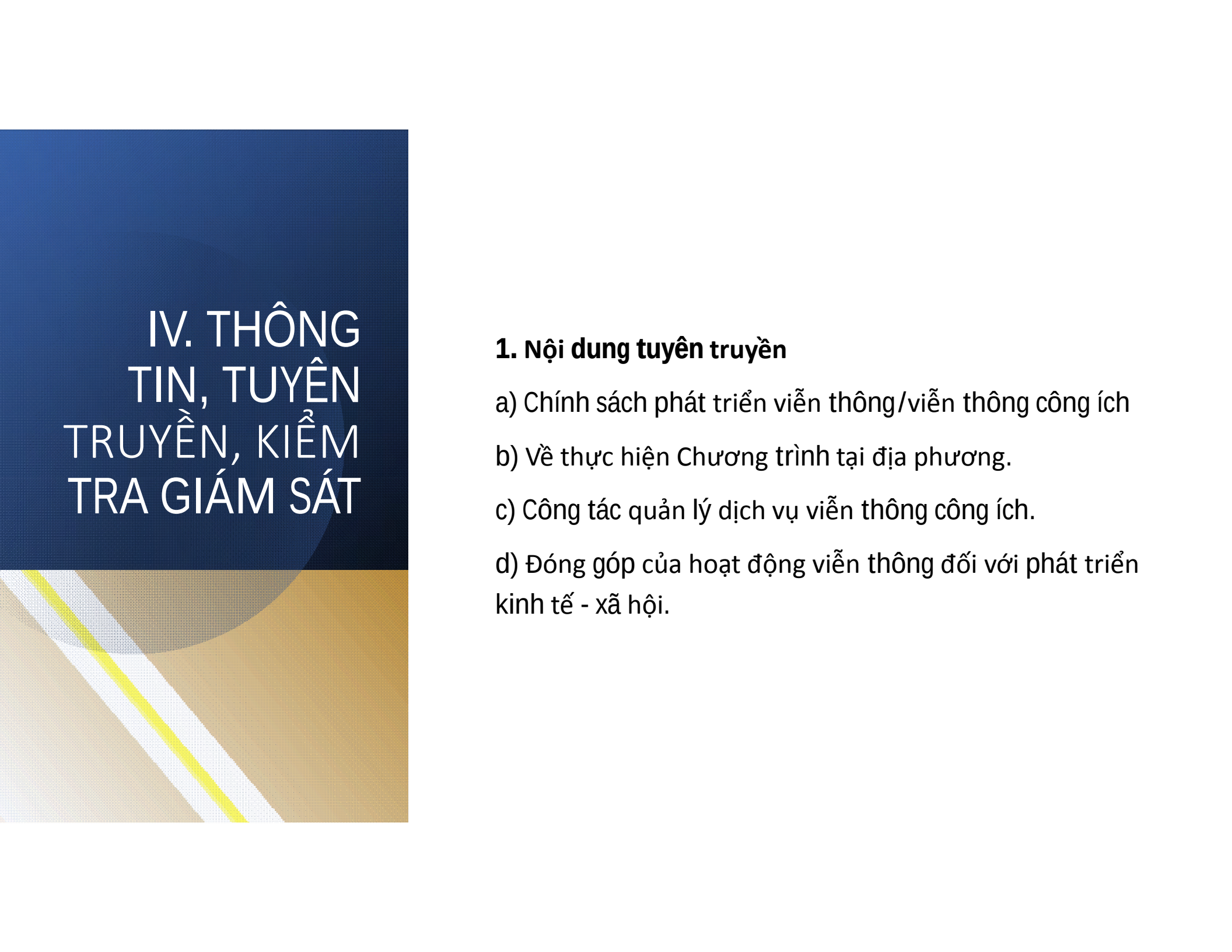
2.2. Dịch vụ VTCI hỗ trợ:

- a) Dịch vụ viễn thông di động mặt đất.
- b) Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất (tại khu vực khó khăn).

2.3. Phương thức hỗ trợ: đặt hàng doanh nghiệp

3. Nguyên tắc xác định kinh phí hỗ trợ :

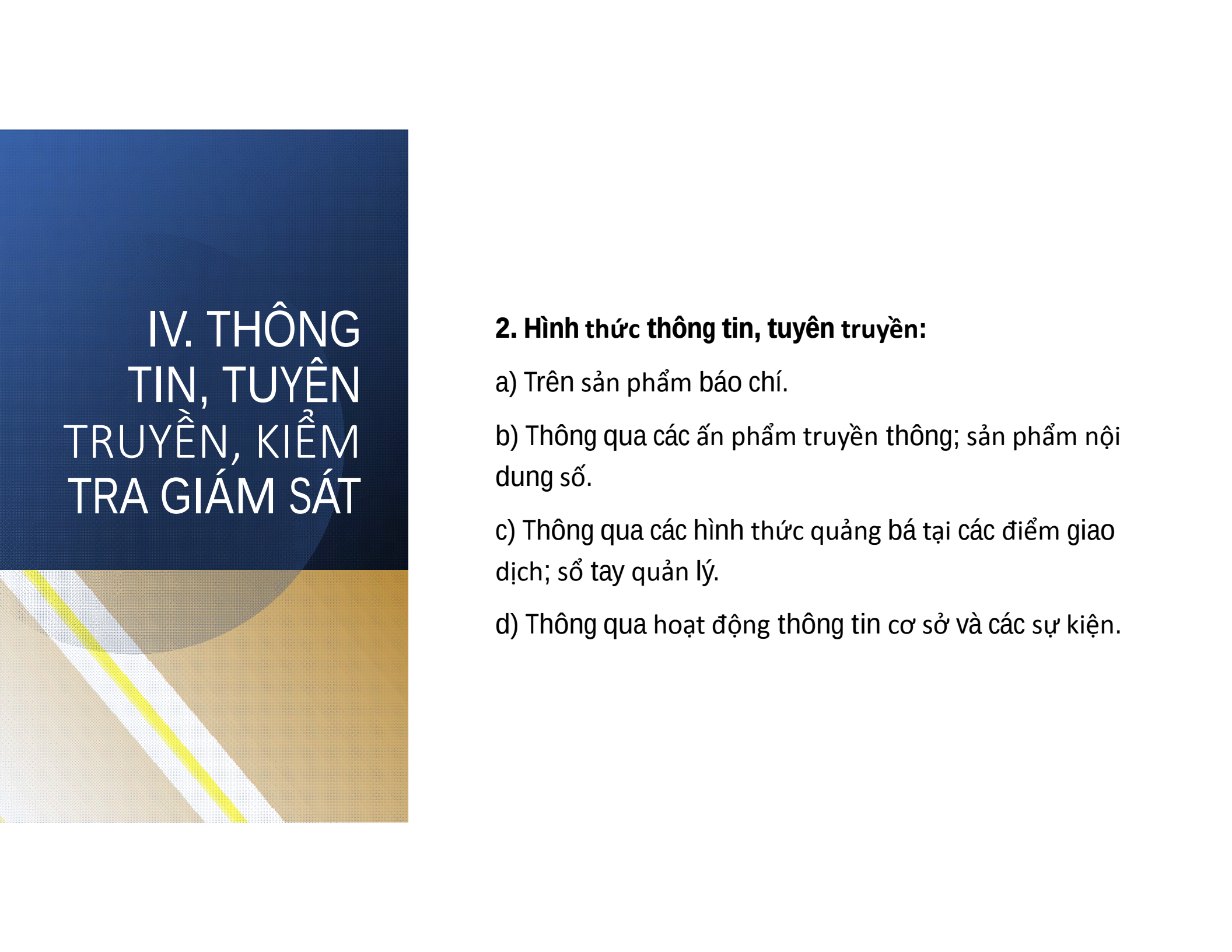
- Đối tượng sử dụng điện thoại thông tin di động mặt đất: Hỗ trợ sản lượng sử dụng thực tế phát sinh hàng tháng, tính hỗ trợ từ tháng đăng ký thuê bao
- Đối tượng sử dụng dịch vụ truy nhập Internet BR mặt đất: Hỗ trợ theo gói cước dịch vụ, tính hỗ trợ từ tháng tiếp theo tháng đăng ký thuê bao



IV. THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Nội dung tuyên truyền

- a) Chính sách phát triển viễn thông/viễn thông công ích
- b) Về thực hiện Chương trình tại địa phương.
- c) Công tác quản lý dịch vụ viễn thông công ích.
- d) Đóng góp của hoạt động viễn thông đối với phát triển kinh tế - xã hội.



IV. THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, KIỂM TRA GIÁM SÁT

2. Hình thức thông tin, tuyên truyền:

- a) Trên sản phẩm báo chí.
- b) Thông qua các ấn phẩm truyền thông; sản phẩm nội dung số.
- c) Thông qua các hình thức quảng bá tại các điểm giao dịch; sổ tay quản lý.
- d) Thông qua hoạt động thông tin cơ sở và các sự kiện.

V. Xác nhận, nghiem thu, thanh toán, quyet toan

1. Nghiem thu khối lượng

1.1. Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận:

- Dịch vụ viễn thông công ích doanh nghiệp cung cấp tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông;
- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng tại các điểm truy nhập Internet công cộng;
- Dịch vụ truy nhập Internet tại trường học, trạm y tế

1.2. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích VN xác nhận, nghiệm thu, báo cáo quyết toán:

- Xác nhận sản lượng điện thoại thông minh, máy tính bảng và sản lượng các dịch vụ viễn thông công ích khác
- Nghiệm thu thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ với các doanh nghiệp viễn thông.
- Lập báo cáo quyết toán.

The background of the slide is a dark blue gradient. On the right side, there is a large, faint, light blue circular shape. Overlaid on this is a series of diagonal lines in various shades of blue, green, and purple, creating a sense of depth and movement.

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!